TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ - ST
Ngày 07 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Vui** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Kim P** – sinh năm 1980 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T** – sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, bà Trương Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông Huỳnh Văn T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì có phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống thường hay cự cải nhau, ông T thường xuyên chửi bới, nhục mạ và đánh đập bà. Hai bên gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân nhau được 06 tháng. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai người con tên Huỳnh Kim H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2000; Huỳnh Văn Q, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2002. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Q đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu con theo ai người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Huỳnh Văn T kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và giấy triệu tập đương sự, nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Trương Kim P và ông Huỳnh Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn. Nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trương Kim P và ông Huỳnh Văn T có địa chỉ tại xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trương Kim P và ông Huỳnh Văn T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì bà Trương Kim P có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Bà P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập ông T hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố

tụng tại phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Bà P và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vả nhau, ông T thường xuyên chửi bới, nhục mạ và đánh đập Bà P. Hai bên gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông T và Bà P đã sống ly thân với nhau được 06 tháng. Ông T không có ý kiến gì đối với việc Bà P xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với Bà P. Điều này cho thấy mâu thuẫn của Bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà P được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P xác định vợ chồng có với nhau được hai người con tên Huỳnh Kim H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2000; Huỳnh Văn Q, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2002. Hiện cháu Huỳnh Kim H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Huỳnh Văn Q hiện nay đang sống với ông T. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu con theo ai người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T không có ý kiến gì về việc Bà P yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Trên thực tế Cháu Q đang sống với ông T và ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, đồng thời cũng không đưa Cháu Q đến để Tòa án hỏi ý kiến của cháu là có nguyện vọng được sống với ai theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Kim P giao cháu cháu Huỳnh Văn Q cho ông Huỳnh Văn T nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Bà P và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Bà P và ông T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trương Kim P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà **Trương Kim P** được ly hôn với ông **Huỳnh Văn T**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Văn Q**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2002 cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà Trương Kim P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004952 ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Bà Trương Kim P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết